

TỔ CHỨC TĂNG ĐOÀN THỜI ĐỨC PHẬT VÀ NHỮNG BÀI HỌC CHO VIỆC TỔ CHỨC GIÁO HỘI HÔM NAY

THÍCH THỌ LẠC^(*)

Ngay sau khi thành đạo dưới cội cây Bồ đề, với tâm lượng từ bi rộng khắp, Đức Phật không an hưởng pháp lạc một cách tiêu cực. Nhìn hồ sen rộng lớn với những bông hoa đã nhô lên khỏi mặt nước, khoe sắc khoe hương với vạn vật, có những bông hoa còn lúng chùng mặt nước, cũng như có những bông hoa còn dấu mình dưới đáy bùn hôi tanh nhưng tự trung, chúng đều cố vươn mình ra khỏi cái ao tù chật chội để hướng về ánh nắng mặt trời toả rạng, từ đó Đức Phật phát đại tâm dùng chánh pháp mà mình đã chứng đắc để chuyển hoá chúng sanh, dù biết giáo pháp đó không dễ thực hành và khó đạt được. Bi nguyện rộng lớn của Đức Phật Thích Ca đã khởi đầu cho Đạo Phật phát triển khắp năm châu, trở thành lẽ sống cho hàng triệu người và là kim chỉ nam cho nhân loại giải quyết những vấn nạn của xã hội đương đại. Một trong những điều trăn trở nhất của những người con Phật hiện nay là vấn đề tổ chức Tăng đoàn trong thời kỳ mới với những điều kiện và hoàn cảnh của hiện tại.

Khi rời khỏi cội cây Bồ đề để chuyển bánh xe pháp, Đức Phật nhớ đến đầu tiên là những vị thầy cũ đã dìu dắt mình trước kia nhưng chẳng may họ đã qua đời, Ngài liền nhớ đến những người bạn tu cùng mình trước kia là năm anh em ông Kiều Trần Như. Tại vườn Nai, bài pháp đầu tiên của Ngài là Tứ Diệu Đế và năm anh em ông Kiều Trần Như trở thành những người xuất gia đầu tiên. Một trong những

vấn đề cần được đặt ra lúc này là tổ chức Tăng đoàn như thế nào để Tăng bảo xứng đáng trở thành một trong ba ngôi báu, xứng đáng trở thành sứ giả truyền trì chánh pháp Như Lai?

Những năm đầu tiên khi thành lập Tăng đoàn, chưa có nhiều vấn đề xảy ra trong nội bộ Giáo hội vì thế Đức Phật cũng chưa có những lời dạy cụ thể cho việc chuẩn hoá mô hình tổ chức. Hầu hết những người xuất gia trong thời kỳ đầu đều giữ được phạm hạnh cần thiết của một vị đệ tử Phật, tự giác thực hiện theo Lục hòa như một kim chỉ nam cho mọi cung cách xử thế giữa những người đồng tu. Phương pháp lục hòa có thể coi là sáu phương pháp hòa kính, cư xử giữa người với người, giữa những người bạn tu trong sự hoà hợp từ vật chất đến tinh thần, từ lời nói đến việc làm. Sáu điều hoà kính đó là:

1. Thân hoà đồng trụ (thân hoà cùng ở chung): Những người sống chung trong một tập thể, đoàn thể, gia đình hay nhà nước... phải biết hòa thuận, đoàn kết, thương yêu và bao bọc lẫn nhau.

2. Khẩu hòa vô tránh (lời nói phải hoà hợp, không tranh cãi nhau): Khi sống chung trong một tập thể, việc xích mích, lời qua tiếng lại là không thể tránh khỏi. Tuy vậy, vì là sống chung trong một môi trường, người xuất gia nói riêng và mọi người nói chung cần phải dùng ái ngữ để cư xử với nhau. Có gì chưa hiểu hay hiểu lầm

*. Thượng toạ, Phó ban, Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Ninh Bình, Nghiên cứu sinh tại Hoa Kỳ.

cũng không nên tranh cãi hơn thua mà phải biết nhẹ nhàng khuyên bảo, giải thích... trong tinh thần hoà hợp và yêu thương.

3. Ý hoà đồng duyệt (ý hoà cùng vui): Ở chung với nhau trong hoà thuận, nói lời từ hoà thân ái với nhau mới chỉ là hình thức bên ngoài. Trong tâm ý luôn luôn vui vẻ vì sự hiện hữu của nhau mới chính là gốc của sự yêu thương đậm đặc. Được gặp Phật là khó, được tu tập theo con đường của Phật là khó và cùng được tu tập chung với nhau cũng là một điều khó. Do vậy, tâm ý vui mừng vì được sống chung với nhau, cùng chung một lí tưởng sống là một trong những điều cơ bản trong quan hệ ứng xử với người bạn đạo.

4. Giới hoà đồng tu (cùng giữ gìn giới pháp đã thọ): Nội quy hay giới điều được lập ra để bảo vệ cộng đồng sống trong đó khỏi sự tự do thái quá hay nhằm giúp cho người tu có được sự an ổn về thân cũng như tâm trong quá trình tu tập. Bản thân tinh thần của “giới hoà đồng tu” ngăn chặn bất kì ai tự cho mình vị trí cao hơn giới luật, pháp luật hay nội quy, kể cả những người chế định ra nó. Khi nội quy trong một tổ chức, pháp luật của nhà nước hay giới luật trong Phật giáo đã được hình thành thì mọi người trong một tổ chức đó, mọi công dân trong nhà nước hay bất kì đệ tử Phật nào cũng phải tuân theo, không có trường hợp ngoại lệ vì quyền lực, kinh tế hay địa vị xã hội.

5. Kiến hoà đồng giải (có ý kiến cùng nhau thảo luận): Do khác nhau về trình độ, môi trường giáo dục, cách nhìn, tình cảm... nên việc có nhiều ý kiến trái ngược nhau là chuyện bình thường. Tuy vậy, là một người đệ tử Phật, trong tinh thần có ý tưởng cùng nhau thảo luận thì tuyệt đối không có khái niệm độc tôn, độc đoán hay độc tài. Dù là trưởng thượng hay chỉ là người cơ sở, mỗi người đều có một ý tưởng hay để học hỏi, do vậy Đức Phật đề nghị khi sống chung với nhau, trước khi đưa

ra bất kì quyết định gì liên quan đến tập thể, đều cần phải thảo luận để mọi người cùng xem, thảo luận, góp ý để quyết định đưa ra được công bằng và sáng suốt hơn. Hình ảnh thầy bói mù xem voi là một ẩn dụ tiêu biểu của Đức Phật nhằm giúp cho mọi thành viên trong tổ chức phải biết khiêm tốn với những nhận thức của mình và tôn trọng những ý kiến khác, kể cả trái chiều hay không đồng thuận.

6. Lợi hoà đồng quân (có lợi lộc phải chia một cách công bằng): Sự bất bình đẳng trong xã hội là một trong những nguyên nhân dẫn đến những xung đột chủng tộc, giai cấp. Nguyên tắc lợi hoà đồng quân không nên hiểu là sự san bằng quyền lợi mà nên hiểu đó là sự phân chia một cách bình đẳng đối với những đóng góp cụ thể của từng thành viên nhằm tạo ra mối quan hệ hài hoà giữa quyền lợi và trách nhiệm của những cá nhân tham gia tổ chức.

Trên đây là sáu nguyên tắc căn bản của những người xuất gia trong giáo đoàn của Đức Phật khi còn tại thế. Biết cách giữ gìn sáu nguyên tắc trên, những cá nhân tham gia trong một tổ chức không những tự mình làm cho mình an ổn mà còn giúp cho tổ chức vững mạnh đoàn kết.

Về sau, do số lượng tăng chúng đông đảo, Đức Phật còn chế thêm nhiều giới luật có tính chất cụ thể, chi tiết để giữ gìn phong cách của giáo đoàn những vị Trưởng tử Như Lai. Trước khi nhập Niết Bàn, Đức Phật còn đưa ra bảy điều căn dặn tứ chúng nhằm duy trì, củng cố và phát triển giáo đoàn ngày một hưng thịnh hơn. Chúng ta có thể biết được điều này trong *Kinh Trường Bộ*, quyển 2, Phẩm kinh *Đại Niết Bàn*, thuộc *Nam Tạng*:

Hôm đó Đức Phật bảo ngài A Nan mời tất cả đại chúng Tỳ kheo tụ họp lại và Ngài đã dạy với các Tỳ kheo như sau: “Này các Tỳ kheo! Hãy nghe và suy nghĩ kĩ, ta sẽ giảng bảy pháp bất thoĩ làm cho chúng Tỳ kheo được hưng thịnh”.

1. Các Tì kheo! Khi nào chúng Tì kheo thường hay tụ họp, và tụ họp đông đảo với nhau, thời này các Tì kheo, chúng Tì kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

2. Nay các Tì kheo! Khi nào chúng Tì kheo tụ họp trong niệm đoàn kết, và làm việc Tăng sự trong niệm đoàn kết, thời này các Tì kheo, chúng Tì kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

3. Nay các Tì kheo! Khi nào chúng Tì kheo không ban hành những luật lệ không được ban hành, không huỷ bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với những học giới được ban hành, thời này các Tì kheo, chúng Tì kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

4. Nay các Tì kheo! Khi nào chúng Tì kheo tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc Tì kheo Thượng tọa, những vị này là những vị giàu kinh nghiệm, niên cao lập trường, bậc cha của chúng Tăng, bậc Thầy của chúng Tăng và nghe theo lời dạy của những vị này, thời này các Tì kheo, chúng Tì kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

5. Nay các Tì kheo! Khi nào chúng Tì kheo không bị chi phối bởi tham ái, tham ái này tác thành một đời sống khác, thời này các Tì kheo, chúng Tì kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

6. Nay các Tì kheo! Khi nào chúng Tì kheo thích sống chỗ nhàn tịnh, thời này các Tì kheo, chúng Tì kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

7. Nay các Tì kheo! Khi nào chúng Tì kheo tự thân an trú chánh niệm, các bạn đồng tu chưa đến muốn đến ở, và các bạn đồng tu thiện chí đến ở, được sống an lạc, thời này các Tì kheo, chúng Tì kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm (Kinh Trường Bộ, tr. 547, Đại Tạng Kinh Việt Nam).

Như vậy, từ những lời dạy của Đức Phật, chúng ta có thể rút ra một số nguyên tắc sau để Tăng đoàn cường thịnh, không bị suy giảm.

1. **Nguyên tắc thứ nhất:** Tập hợp nhau lại trong sự đoàn kết và hoạt động Phật sự trong đoàn kết (điều 1 và 2). Điều này không có nghĩa là không thể sống và hoạt động Phật sự một mình như để công việc Phật sự được thành tựu thì những hành giả phải biết cùng nhau san sẻ những công việc chung, phân công, phân nhiệm cụ thể. Có như vậy, công việc với mau thành tựu và thành tựu với kết quả to lớn.

2. **Nguyên tắc thứ hai:** Tôn trọng những giới luật hay nội quy đã ban hành và những bậc trưởng thượng (điều 3 và 4): Nguyên tắc này nhằm tránh việc xoá bỏ hay xây dựng giới luật một cách tràn lan, vô nguyên tắc, từ đó có thể dẫn tới việc mạnh ai người ấy xây dựng một nội quy hay giới luật riêng cho mình. Tôn trọng bậc trưởng thượng nhằm hạn chế những sai lầm không cần thiết của tuổi trẻ, từ đó công việc Phật sự sẽ hạn chế được nhiều rủi ro hơn.

3. **Nguyên tắc thứ ba:** Tu hành chân chính là tiêu chí hàng đầu (điều 5, 6 và 7). Một người xuất gia, dù có trình độ học vấn uyên thâm, khả năng xử lý tình huống tốt hay làm Phật sự thành công nhưng không chiến thắng được tham ái, không biết tu tập để sửa mình thì chẳng khác gì một người nghèo lại mơ mộng bố thí cho kẻ bần. Thân giáo là yếu tố quan trọng, nói khác hơn, trong Tăng đoàn, ngày nào con người tu hành chân chính, biết giữ gìn giới luật, phạm hạnh... thì ngày đó Phật giáo còn tồn tại và nếu số lượng người xuất gia chân chính nhiều thì ngày đó Phật giáo sẽ cường thịnh.

Trên đây là một số nguyên tắc chính yếu về việc tổ chức Tăng đoàn thời Đức Phật còn tại thế với những nét đại cương. Tuy còn nhiều sơ sài nhưng chính việc tự giác giữ gìn của những người đệ tử Phật mà giáo đoàn của Ngài ngày càng phát triển, cả về số lượng lẫn quy mô. Cũng

chính từ những nguyên tắc trên mà những đệ tử của Đức Phật đã trở thành hình mẫu của rất nhiều thế hệ, tạo niềm tin sâu rộng cho tín đồ ở bất kì nơi nào Phật giáo truyền đến.

Phật giáo đã truyền đến Việt Nam hơn 20 thế kỉ, rất nhiều giáo hội với những tổ chức quy củ đã được hình thành trong lịch sử, nhưng dù giáo hội nào đi chăng nữa, đã là đệ tử Phật thì đều tuân theo Lục hoà và Bảy pháp bất thoái mà Đức Phật đã căn dặn như kim chỉ nam cho mọi hoạt động của mình.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam là một tổ chức tôn giáo được hình thành vào năm 1981, trên cơ sở thống nhất 9 hệ phái khác nhau trong cả nước cũng được xây dựng trên nguyên tắc Lục hoà và Bảy pháp bất thoái. Trong điều kiện hiện nay của nước nhà, từ những nguyên tắc căn bản mà Đức Phật đã dạy, người viết xin nêu ra một số bài học chính cho việc tổ chức giáo hội ngày nay như sau:

Thứ nhất: Tất cả những người đệ tử Phật, xuất gia hay tại gia, không nên phân biệt địa phương cư trú hay vùng miền, đã là người tu hành, đều có thể tập trung với nhau tại một nơi nào đó để làm Phật sự hay tổ chức những khoá tu (Bồ tát, tụng giới, thuyết giảng, v.v...). Nguyên tắc Thân hoà đồng trụ hay điều 1 và 2 trong lời căn dặn của Đức Phật chính là cách thức xoá bỏ mọi sự khác biệt hay phân biệt địa phương, vùng miền, màu da, chủng tộc, v.v... đồng thời mở đường cho việc phát huy và trọng dụng Tăng tài đúng người, đúng việc.

Thứ hai: Tất cả những người đệ tử Phật, xuất gia hay tại gia, không nên phân biệt tông phái hay pháp môn hành trì, nam hay nữ, tuổi cao hay ít... miễn là có khả năng làm công tác Phật sự của Giáo hội thì đều được sử dụng một cách

bình đẳng. Điều 3, 4, 5 trong Lục hoà hay điều 4 trong Bảy pháp bất thoái đều là những chỉ dẫn quan trọng trong việc tuyển chọn, sử dụng và bố trí nhân sự của Giáo hội. Mọi chỉ tiêu về độ tuổi, giới tính, tông phái... đều là những rào cản cho việc phát huy nhân tố con người.

Thứ ba: Cách thức đãi ngộ hợp lí (điều 6 trong Lục hoà). Người xuất gia khi làm Phật sự không lấy vật chất làm mục tiêu nhưng quan trọng là cách thức đối đãi của người trên với người dưới có công bằng và bình đẳng không? Quyền lợi có tương thích với trách nhiệm không? Có tạo mọi điều kiện có thể để thực thi trách nhiệm không?, v.v... Đây là những vấn đề dành cho các cấp lãnh đạo phải suy ngẫm trong khi sử dụng Tăng tài.

Thứ tư: Điều kiện tiên quyết phải là một nhà tu hành chân chính, sống đúng giới luật và phạm hạnh của một vị Tăng (điều 5, 6, 7 của Bảy pháp bất thoái). Để giữ gìn Tăng đoàn trong sạch và thanh tịnh, có đủ sức mạnh để tạo niềm tin nơi quần chúng hay tín đồ thì không nên vì trình độ hay khả năng biệt tài của người đó mà quên mất yếu tố tác phong và đạo đức của người xuất gia. Chúng ta cần phải mạnh mẽ làm trong sạch hàng ngũ của người xuất gia với tiêu chí đạo đức là quan trọng nhất. Có như vậy, Phật pháp mới có gốc rễ sâu bền, nếu không, chúng chỉ được cái vẻ hình thức hào nhoáng bên ngoài.

Trên đây là một số suy nghĩ của người viết về những chỉ dẫn căn bản của Đức Phật trong việc xây dựng và tổ chức giáo đoàn cách đây hơn 2500 năm và những kinh nghiệm trong việc tổ chức giáo hội đang trải qua. Nhân Đại lễ Phật Đản Liên hợp quốc 2008 tại Việt Nam, suy tư và ứng dụng những lời dạy của Ngài là cách thức hay nhất hướng về ngày Đản sinh của Đức Từ phụ./.